Chi tiết mã HS 3004.10.15

Mã HS	3004.10.15
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Chứa penicillins hoặc dẫn xuất của chúng, có cấu trúc axit penicillanic, hoặc streptomycins hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Chứa penicillins hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - - Chứa penicillin G (trừ penicillin G benzathin), phenoxymethyl penicillin hoặc muối của chúng
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 07:02:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/30041015/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4571
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4571
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4571
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0,6	0,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4493
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4454
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4454
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4454
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4454
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4454
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4454
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4492
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4492
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4492
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4492

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4492
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4492
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4496
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4496
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4496
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4496
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4496
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4496
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F4496
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4460
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F4456
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G4456
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H4456
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I4456
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J4456
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K4456
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4456
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4456
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4456
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4456
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4456
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4456
VCFTA	2022	2022	1	VC!D4503
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4503
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4503
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4503

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4503
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4503
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4500
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4500
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4500
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4500
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4500
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4500
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D619
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E619
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D4508
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E4508
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F4508
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G4508
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H4508
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I4508
EVFTA	2022	2022	3,1	EV-NK!D4479
EVFTA	2023	2023	2,5	EV-NK!E4479
EVFTA	2024	2024	1,8	EV-NK!F4479
EVFTA	2025	2025	1,2	EV-NK!G4479
EVFTA	2026	2026	0,6	EV-NK!H4479
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4479
UKVFTA	2022	2022	3,1	UKV!D4481
UKVFTA	2023	2023	2,5	UKV!E4481
UKVFTA	2024	2024	1,8	UKV!F4481
UKVFTA	2025	2025	1,2	UKV!G4481

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0,6	UKV!H4481
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4481
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4479
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4479
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4479
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4479
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4479
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4479
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4479
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D4500
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E4500
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F4500
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G4500
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H4500
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I4500
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D4500
RCEP B	2023	2023	4	B!E4500
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F4500
RCEP B	2025	2025	3	B!G4500
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H4500
RCEP B	2027	2027	2	B!I4500
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D4500
RCEP C	2023	2023	4	C!E4500
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F4500
RCEP C	2025	2025	3	C!G4500
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H4500

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	2	C!I4500
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D4500
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E4500
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F4500
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G4500
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H4500
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I4500
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D4503
RCEP E	2023	2023	4	E!E4503
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F4503
RCEP E	2025	2025	3	E!G4503
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H4503
RCEP E	2027	2027	2	E!I4503
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D4500
RCEP F	2023	2023	4	F!E4500
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F4500
RCEP F	2025	2025	3	F!G4500
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H4500
RCEP F	2027	2027	2	F!I4500
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F4142
VIFTA	2025	2025	4	VI!G4142
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H4142
VIFTA	2027	2027	3	VI!I4142

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 5%, AIFTA 5%, AKFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3004.10 có 4 dòng thuế; dòng 3004.10.15 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chứa penicillin G (trừ penicillin G benzathin), phenoxymethyl penicillin hoặc muối của chúng.	3004.10.16 Chứa ampicillin, amoxycillin hoặc muối của chúng, dạng uống (*); 3004.10.19 Loại khác; 3004.10.20 Chứa các streptomycin hoặc các dẫn xuất của chúng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3004.10.15. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3004.10.15 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4571), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.